

Một số ý kiến về kinh doanh vốn cổ phần công ty

TS. NGUYỄN VĂN SĨ

Trên cả nước hiện nay, Việt Nam có khoảng 200 doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hoá trong hơn 6.000 doanh nghiệp nhà nước và hơn 40.000 doanh nghiệp được thành lập theo luật doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực độc quyền của Nhà nước thì đa số các doanh nghiệp còn lại có quy mô vốn nhỏ, lợi nhuận không cao, khó có cơ hội tiếp cận nguồn vốn. Do đó, bị hạn chế về phát triển, rất ít có cơ hội đầu tư vào kỹ thuật hiện đại nhằm tăng cường qui mô hoạt động. Qua thống kê, các doanh nghiệp tập trung vào các ngành vốn đầu tư ít, kinh doanh nhanh, chuyển đổi nhanh, lãi suất cao và rủi ro thấp. Còn những ngành kinh tế mũi nhọn rất cần những ít chú ý để đầu tư. Ngoài ra các doanh nghiệp phát triển còn mang tính tự phát, chiến lược chưa rõ ràng, mặc dù kết quả kinh doanh các doanh nghiệp đạt kết quả tương đối cao, thể hiện qua tỷ suất lợi nhuận trên vốn có tăng lên – nhất là các doanh nghiệp nhà nước, là kết quả của sự sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước.

Ngoài nguồn vốn tín dụng thông thường, vốn của các tổ chức nước ngoài hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ rất đáng kể, nhưng doanh nghiệp khó tiếp cận nguồn vốn này, do ngân hàng cho vay với cơ chế chưa được thông thoáng. Trong tương lai để phát triển các doanh nghiệp phải có sự liên kết, đẩy mạnh đầu tư công nghệ sản xuất bằng nhiều nguồn lực khác nhau. Đẩy mạnh đầu tư nước ngoài thông qua

các đầu tư gián tiếp, khuyến khích sự tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài thông qua việc nâng cao tỷ lệ sở hữu của phía nước ngoài trong các công ty cổ phần Việt Nam. Hoạt động kinh doanh vốn cổ phần xuất hiện ở Việt Nam do sự du nhập của đầu tư nước ngoài. Đối tượng phương thức kinh doanh này là cổ phần của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Một số doanh nghiệp chuyển sang công ty cổ phần đều có kết quả kinh doanh tăng lên rõ rệt. Qua tổng kết của các nhà quản lý, hiện nay kinh doanh vốn cổ phần bước đầu đã đem lại lợi nhuận cho các nhà đầu tư, thể hiện qua việc các quỹ đầu tư ngày càng huy động thêm vốn đầu tư cho quỹ để đầu tư vào thị trường Việt Nam. Nhưng còn nhiều hạn chế như: số dự án đầu tư còn quá ít so với dự án đầu tư chung, các tổ chức tài chính tham gia còn hạn chế, tiếp nhận và xử lý thông tin chưa tốt, độ tin cậy dữ liệu thông tin chưa cao, định giá vốn cổ phần chưa chính xác. Ngoài các hạn chế trên thì hệ thống pháp lý có vai trò rất quan trọng, có thể làm chậm sự phát triển, giảm tính hấp dẫn của môi trường đầu tư nếu như không đồng bộ về tỷ lệ từ đầu tư trực tiếp sang gián tiếp. Luật đầu tư còn hạn chế ngành nghề đầu tư cho nhà đầu tư nước ngoài. Mặt khác các tổ chức tài chính, quỹ đầu tư trong nước chưa thật sự đi vào phương thức kinh doanh cổ phần vốn. Để hạn chế các thiếu sót trên, cần đưa ra một phương hướng nhằm thúc đẩy kinh doanh vốn cổ phần để từng bước phát triển kinh tế như: tăng vốn cổ phần đầu tư vào các doanh nghiệp đang hoạt động, đẩy mạnh công tác tuyên

truyền, cho thấy được lợi nhuận của doanh nghiệp sau khi cổ phần hoá. Ban hành văn bản pháp quy đối với hệ thống ngân hàng thương mại trong việc ưu đãi hạn mức tín dụng đối với doanh nghiệp cổ phần hoá. Cải tiến công tác định giá trong quy trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhằm giải quyết được tình trạng trì trệ trong khâu định giá hiện nay. Khuyến khích sự tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần công ty cổ phần hoá với chính sách rõ ràng, bình đẳng. Công ty chứng khoán sẽ thực hiện việc bao tiêu đầu giá cổ phần và thu hồi vốn đầu tư. Đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh rất cần vốn để mở rộng sản xuất, cần trang bị cho các doanh nghiệp này khối lượng thông tin để họ có sự chọn lựa trong đầu tư, chủ động tìm nguồn đầu tư từ các tổ chức đầu tư khác. Quỹ đầu tư cần tích cực hơn trong việc tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các công ty đang cần nguồn đầu tư để cùng phát triển. Tăng cường tính tự chủ cho doanh nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào các ngành kinh tế mũi nhọn bằng nhiều biện pháp, điều kiện ưu đãi, kiểm soát hoạt động của doanh nghiệp, công khai về quy hoạch, phát triển. Mở rộng hoạt động các ngành tín dụng, đầu tư để hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, giảm dần các doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh kém hiệu quả. Các văn bản pháp luật về kinh doanh phải đồng bộ, tránh chồng chéo. Luật chứng khoán phải được ban hành thành bộ luật riêng, là điều kiện để Việt Nam hội nhập khu vực. Cần có quy định cụ thể, mở rộng tỷ lệ sở hữu vốn nước ngoài. Các qui định này cần có thời gian vừa đủ để các nhà đầu tư hoạch định chiến lược kinh doanh phù hợp sao cho có lợi nhất. Bên cạnh đó xây dựng các luật khác hỗ trợ cho phát triển kinh doanh chứng khoán, đầu tư ■

Tài liệu tham khảo

1. Trần Ngọc Thơ (2003), Tài chính doanh nghiệp hiện đại, NXB Thống kê.
2. Nguyễn Thị Kim Chi, Kinh doanh vốn cổ phần công ty, một phương thức đầu tư tài chính mới cho thị trường tài chính Việt Nam, Luận văn thạc sĩ kinh tế 2004.